

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**IDICO IDI**



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ II NĂM 2014

**Đơn vị kế toán** : Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO  
**Mã số thuế** : 0302095576  
**Giấy ĐKKD** : 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM  
**Địa chỉ** : Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh  
**Điện thoại** : 08 37503042 Fax: 08 37502825

### Danh mục báo cáo:

STT	Tên báo cáo	Mẫu số	Trang
1	Bảng cân đối kế toán	B 01a - DN	1-2
2	Báo cáo kết quả kinh doanh	B 02a - DN	3
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B 03a - DN	4
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	B 09a - DN	5-17
5	Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản		

TP Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2014

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	1/1/2014
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.587.613.129</b>	<b>41.716.058.343</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.583.393.302</b>	<b>7.669.379.126</b>
1. Tiền	111	V.01	5.583.393.302	7.669.379.126
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.000.000.000	8.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.322.844.203</b>	<b>16.504.626.411</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		8.150.195.360	8.406.025.502
2. Trả trước cho người bán	132		5.305.610.672	8.123.593.830
5. Phải thu khác	135	V.03	1.611.466.332	719.435.240
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(744.428.161)	(744.428.161)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>609.083.006</b>	<b>2.175.059.306</b>
1. Hàng tồn kho	141		609.083.006	2.175.059.306
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.072.292.618</b>	<b>7.366.993.500</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	5.376.332.755
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	59.491.683	63.491.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.012.800.935	1.927.169.062
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>972.255.782.844</b>	<b>951.260.082.680</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.930.773.120</b>	<b>17.930.773.120</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	17.930.773.120	17.930.773.120
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>924.061.758.344</b>	<b>899.729.310.550</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	248.324.268.202	295.103.794.478
- Nguyên giá	222		795.196.721.258	794.391.713.158
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(546.872.453.056)	(499.287.918.680)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	162.594.616	226.746.696
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(753.130.184)	(688.978.104)
4. Chi phí xây dựng dở dang	230	V.11	675.574.895.526	604.398.769.376
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23.482.780.000</b>	<b>23.482.780.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	23.482.780.000	23.482.780.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.780.471.380</b>	<b>10.117.219.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	6.780.471.380	10.117.219.010
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.002.843.395.973</b>	<b>992.976.141.023</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

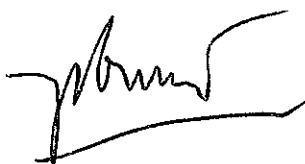
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	1/1/2014
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>670.917.481.853</b>	<b>674.922.402.265</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.606.502.876</b>	<b>82.852.875.282</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	9.198.342.366	5.784.343.969
2. Phải trả người bán	312		17.389.096.383	31.193.292.189
3. Người mua trả tiền trước	313		0	-
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.470.783.623	283.276.626
5. Phải trả người lao động	315		870.330.182	1.007.842.896
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.456.262.580	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	20.817.611.653	43.779.048.916
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.404.076.089	805.070.686
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>618.310.978.977</b>	<b>592.069.526.983</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	7.210.914.011	7.210.914.011
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	611.100.064.966	584.858.612.972
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>331.925.914.120</b>	<b>318.053.738.758</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>331.925.914.120</b>	<b>318.053.738.758</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.763.056.552	15.881.880.881
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.145.458.137	6.016.752.734
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		57.525.399.431	46.663.105.143
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.002.843.395.973</b>	<b>992.976.141.023</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	1/1/2014
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2014

Người lập



Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014**

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	50.003.891.917	42.492.639.917	93.493.819.189	86.044.194.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV(10=01-02)	10		50.003.891.917	42.492.639.917	93.493.819.189	86.044.194.471
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	33.717.647.577	18.273.116.349	61.200.526.067	38.042.852.634
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20=10-11)	20		16.286.244.340	24.219.523.568	32.293.293.122	48.001.341.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	1.833.690.087	1.525.475.420	1.889.048.057	1.533.597.938
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	895.131.146	3.458.492.756	2.062.576.470	7.501.150.678
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		895.131.146	3.458.492.756	2.062.576.470	7.501.150.678
8. Chi phí bán hàng	24		6.564.187.984	5.916.961.172	11.104.990.170	11.537.307.886
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.294.432.548	2.987.704.742	5.662.886.971	5.993.710.882
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD(30=20+(21-22)-(24+25))	30		7.366.182.749	13.381.840.318	15.351.887.568	24.502.770.329
11. Thu nhập khác	31		413.382.986	135.153.896	438.513.238	149.301.896
12. Chi phí khác	32		-	101.891.896	-	101.891.896
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		413.382.986	33.262.000	438.513.238	47.410.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.779.565.735	13.415.102.318	15.790.400.806	24.550.180.329
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	388.978.287	670.755.116	789.520.041	1.227.509.016
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.390.587.448	12.744.347.202	15.000.880.765	23.322.671.312
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	296	511	601	935

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2014

Người lập

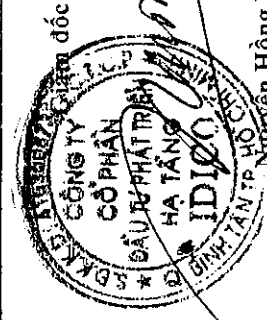
*(Signature)*

Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Nguyễn Văn Thọ



Nguyễn Hồng Ninh

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B 03a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		101.805.310.000	93.966.211.279
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và DV	02		(33.905.814.745)	(38.304.944.222)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.309.791.628)	(13.155.453.994)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.062.576.470)	(7.501.150.678)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(853.649.254)	(1.269.401.019)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.407.664.304	41.743.455.914
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(36.458.483.214)	(14.348.337.706)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24.622.658.993</b>	<b>61.130.379.574</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(70.955.729.963)	(182.129.815.174)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.000.000.000	4.380.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.003.154.057	1.533.597.938
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(69.952.575.906)</b>	<b>(180.216.217.236)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		79.045.438.434	170.056.342.659
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(49.389.988.043)	(41.325.097.932)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		13.588.480.698	(4.557.664.279)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>43.243.931.089</b>	<b>124.173.580.448</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.085.985.824)</b>	<b>5.087.742.786</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7.669.379.126</b>	<b>2.113.522.454</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>5.583.393.302</b>	<b>7.201.265.240</b>

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2014

Người lập

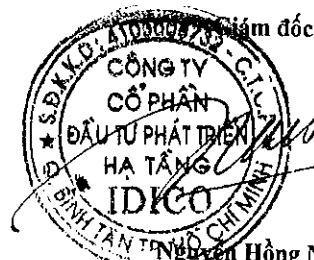


Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ



Nguyễn Hồng Ninh

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

## **Quý II năm 2014**

Đơn vị tính: **Đồng Việt Nam**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/09/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249.492.000.000 đồng

Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Suong - An Lạc thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư □

#### **Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/06/2014**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam	37,5%
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	12,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Các cổ đông khác	30%

#### **2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 ngày 28/09/2011 (thay đổi lần 5) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng từ kể từ tháng 1 năm 2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý II năm 2014**

*(Tiếp theo)*

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:**

#### **1 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/04/2014 đến 30/06/2014

#### **2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

#### **1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

#### **2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

#### **3 Hình thức kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

#### **1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

#### **2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi:**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Quý II năm 2014**

*(Tiếp theo)*

#### **3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh

#### **4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo văn bản số 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính.

##### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

###### ***Phần mềm quản lý thu phí***

Phần mềm quản lý doanh nghiệp, Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

##### **Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang:**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** **Quý II năm 2014**

*(Tiếp theo)*

**6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác..

**7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc từ 1% đến 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài Chính; Kể từ 10/12/2012, áp dụng theo Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính

**8 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:**

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu xây lắp và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về khối lượng hoàn thành và tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014***(Tiếp theo)***12 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**13 Các bên liên quan:**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1 Tiền</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>1/1/2014</b>
Tiền mặt	3.690.314.881	2.316.456.347
Tiền gửi ngân hàng	1.893.078.421	5.352.922.779
<b>Cộng</b>	<b>5.583.393.302</b>	<b>7.669.379.126</b>
<b>2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>1/1/2014</b>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn của XN xây dựng IDICO-IDI)	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
<b>3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>1/1/2014</b>
Cổ tức đợt 1 năm 2014 Công ty PACKSIMEX	885.894.000	-
Các đối tượng khác	725.572.332	719.435.240
<b>Cộng</b>	<b>1.611.466.332</b>	<b>719.435.240</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014**

*(Tiếp theo)*

<b>4</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>1/1/2014</b>
	Nguyên liệu, vật liệu	383.685.785	124.225.852
	Công cụ, dụng cụ	225.397.221	29.939.216
	Chi phí sản xuất dở dang		2.020.894.238
	<b>Cộng</b>	<b>609.083.006</b>	<b>2.175.059.306</b>
<b>(*)</b>	<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:</b>	<b>-</b>	<b>2.020.894.238</b>
	Trường PTTH Vĩnh Viễn tỉnh Hậu Giang - HM 16 phòng học		1.169.354
	Trường PTTH Vĩnh Viễn tỉnh Hậu Giang-HM Khối hiệu bộ, P.thí nghiệm..		1.047.607.437
	Thi công hạ tầng dự án KDC mở rộng Phường 6, Tân An, Long An		972.117.447
<b>5</b>	<b>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>1/1/2014</b>
	Thuế xuất nhập khẩu được miễn	59.491.683	59.491.683
	Thuế khác	-	4.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>59.491.683</b>	<b>63.491.683</b>

**8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2014	782.306.789.578	6.639.521.111	5.213.297.055	232.105.414	794.391.713.158
- Mua trong kỳ	-	175.875.000			175.875.000
-ĐT XDCB hoàn thành	629.133.100				629.133.100
- Giảm theo TT 45/2013					-
<b>Số dư 30/06/2014</b>	<b>782.935.922.678</b>	<b>6.815.396.111</b>	<b>5.213.297.055</b>	<b>232.105.414</b>	<b>795.196.721.258</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					-
Số dư 01/01/2014	491.028.554.393	6.050.857.121	2.064.100.407	144.406.759	499.287.918.680
- Khấu hao trong kỳ	46.883.475.522	432.578.654	253.735.062	14.745.138	47.584.534.376
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm theo TT 45/2013					-
<b>Số dư 30/06/2014</b>	<b>537.912.029.915</b>	<b>6.483.435.775</b>	<b>2.317.835.469</b>	<b>159.151.897</b>	<b>546.872.453.056</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					-
Số dư 01/01/2014	291.278.235.185	588.663.990	3.149.196.648	87.698.655	295.103.794.478
Số dư 30/06/2014	245.023.892.763	331.960.336	2.895.461.586	72.953.517	248.324.268.202

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.704.391.695

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014**

(Tiếp theo)

**10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2014	-	-	-	915.724.800	915.724.800
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- ĐT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/06/2014</b>	-	-	-	915.724.800	915.724.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2014	-	-	-	688.978.104	688.978.104
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	64.152.080	64.152.080
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/06/2014</b>	-	-	-	753.130.184	753.130.184
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2014	-	-	-	226.746.696	226.746.696
Số dư 30/06/2014	-	-	-	162.594.616	162.594.616
<b>11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>					
Dự án đường song hành Hà Huy Giáp, Q12				30/06/2014	1/1/2014
Dự án Đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL1A				3.491.800.942	3.491.800.942
Dự án Đầu tư bổ sung nút giao QL1A/Hương Lộ 2				669.504.891.585	599.719.558.366
Các dự án khác				2.120.314.780	31.546.455
Sửa chữa lớn TSCĐ				19.356.400	71.121.677
<b>Cộng</b>				438.531.819	1.084.741.936
				<b>675.574.895.526</b>	<b>604.398.769.376</b>
<b>13 Đầu tư Công ty liên doanh liên kết</b>					
				30/06/2014	1/1/2014
+ Cty CP XNK Sản xuất gia công và bao bì (vốn điều lệ 50.000.000 đồng)					
Số lượng cổ phần PACKSIMEX				1.476.490	1.476.490
Giá trị đầu tư				23.482.780.000	23.482.780.000
<b>Cộng</b>				<b>23.482.780.000</b>	<b>23.482.780.000</b>
<b>14 Chi phí trả trước dài hạn</b>					
				30/06/2014	1/1/2014
Trung tu Tuyến QL1A đoạn An Sương An Lạc (phân bổ 5 năm từ tháng 7/2011)				6.557.268.586	9.835.902.878
Phân bổ giá trị còn lại của TSCĐ điều chỉnh giảm theo Thông tư 45/2013				223.202.794	281.316.132
<b>Cộng</b>				<b>6.780.471.380</b>	<b>10.117.219.010</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014**

*(Tiếp theo)*

	30/06/2014	1/1/2014
<b>15 Vay và nợ ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động (tại BIDV, EXIMBANK)	9.198.342.366	5.784.343.969
<b>Cộng</b>	<b>9.198.342.366</b>	<b>5.784.343.969</b>
<b>16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế GTGT	960.925.869	-
Thuế TNDN	388.978.287	52.568.746
Thuế TNCN	120.879.467	230.707.880
<b>Cộng</b>	<b>1.470.783.623</b>	<b>283.276.626</b>
<b>18 Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
Kinh phí công đoàn	38.828.160	37.601.550
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả các đội thi công của Công ty Cổ tức	8.966.356.260	18.075.477.135
Phải trả phải nộp khác ngắn hạn khác	11.517.022.603	25.105.503.301
<b>Cộng phải trả phải nộp ngắn hạn</b>	<b>295.404.630</b>	<b>560.466.930</b>
	<b>20.817.611.653</b>	<b>43.779.048.916</b>
<b>19 Phải trả dài hạn khác</b>		
	30/06/2014	1/1/2014
Chi phí bồi thường GPMB dự án BOTASAL	4.122.306.000	4.122.306.000
Phải trả IDICO-LINCO	3.088.608.011	3.088.608.011
<b>Cộng phải trả phải nộp dài hạn</b>	<b>7.210.914.011</b>	<b>7.210.914.011</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>		
	30/06/2014	1/1/2014
Vay dài hạn ngân hàng đầu tư dự án BOTASAL ( Lãi suất áp dụng trong quý 2/2014 là 11%/năm)	10.062.000.000	49.062.000.000
Vay dài hạn DA Đầu tư bổ sung một số HM giao thông trên tuyến QL1A ( HĐTD số 1801-LAV-201101490 ngày 18/10/2011 ký kết với EXIMBANK- CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 11%/năm)	601.038.064.966	535.796.612.972
<b>Cộng</b>	<b>611.100.064.966</b>	<b>584.858.612.972</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014**

*(Tiếp theo)*

**22 Vốn chủ sở hữu**

**a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2013	249.492.000.000	4.820.235.552	12.379.800.881	39.883.906.083	306.575.942.516
Tăng trong kỳ trước	-	1.196.517.182	3.502.080.000	23.322.671.312	28.021.268.494
Lãi	-	-	-	23.322.671.312	23.322.671.312
Phân phối LN	-	1.196.517.182	3.502.080.000	-	4.698.597.182
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	5.895.114.364	5.895.114.364
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	5.895.114.364	5.895.114.364
Số dư 30/06/2013	249.492.000.000	6.016.752.734	15.881.880.881	57.311.463.031	328.702.096.646
Số dư 01/01/2014	249.492.000.000	6.016.752.734	15.881.880.881	46.663.105.143	318.053.738.758
Tăng trong kỳ	-	1.128.705.403	1.881.175.671	15.000.880.765	18.010.761.839
Lãi	-	-	-	15.000.880.765	15.000.880.765
Phân phối LN	-	1.128.705.403	1.881.175.671	-	3.009.881.074
Giảm trong kỳ	-	-	-	4.138.586.477	4.138.586.477
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	4.138.586.477	4.138.586.477
Số dư 30/06/2014	249.492.000.000	7.145.458.137	17.763.056.552	57.525.399.431	331.925.914.120

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2014	1/1/2014
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cộng</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	30/06/2014	1/1/2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ tức**

30/06/2014                      1/1/2014

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2013 là 0%

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý II năm 2014***(Tiếp theo)*

e. Cổ phiếu	30/06/2014	1/1/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu.	10.000	10.000
<b>f. Các quỹ của DN</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>1/1/2014</b>
Quỹ đầu tư phát triển	17.763.056.552	15.881.880.881
Quỹ dự phòng tài chính	7.145.458.137	6.016.752.734
<b>Cộng</b>	<b>24.908.514.689</b>	<b>21.898.633.615</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

25	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 2 năm 2014	Quý 2 năm 2013
	Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	45.116.777.274	40.122.204.559
	Doanh thu xây lắp	4.887.114.643	2.370.435.358
	<b>Cộng</b>	<b>50.003.891.917</b>	<b>42.492.639.917</b>
	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Quý 2 năm 2014</b>	<b>Quý 2 năm 2013</b>
	Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	45.116.777.274	40.122.204.559
	Doanh thu xây lắp	4.887.114.643	2.370.435.358
	<b>Cộng</b>	<b>50.003.891.917</b>	<b>42.492.639.917</b>
26	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 2 năm 2014</b>	<b>Quý 2 năm 2013</b>
	Giá vốn cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	29.158.132.439	16.044.907.112
	Giá vốn xây lắp	4.559.515.138	2.228.209.237
	<b>Cộng</b>	<b>33.717.647.577</b>	<b>18.273.116.349</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014**

*(Tiếp theo)*

<b>27</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 2 năm 2014</b>	<b>Quý 2 năm 2013</b>
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	117.260.057	48.985.420
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.771.788.000	1.476.490.000
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.889.048.057</b>	<b>1.525.475.420</b>
<b>28</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>Quý 2 năm 2014</b>	<b>Quý 2 năm 2013</b>
	Chi phí lãi vay	895.131.146	3.458.492.756
	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	-
	Chi phí tài chính khác	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>895.131.146</b>	<b>3.458.492.756</b>
<b>29</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Quý 2 năm 2014</b>	<b>Quý 2 năm 2013</b>
	Chi phí Thuế TNDN trong kỳ	388.978.287	670.755.116
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Quý 2 năm 2014</b>	<b>Quý 2 năm 2013</b>
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.390.587.448	12.744.347.202
	<p><i>(*) Trong quý 4 năm 2013, Công ty đánh giá lại tỷ lệ khấu hao theo doanh thu (áp dụng kể từ quý 3 năm 2013) tài sản hình thành từ dự án BOT Cải tạo nâng cấp quốc lộ 1A Đoạn An Suông An Lạc trên cơ sở giá trị còn lại của tài sản và dự báo doanh thu các năm tiếp theo. Điều này làm cho chi phí khấu hao TSCĐ trong kỳ tăng so với áp dụng tỷ lệ trước đây 8.395.426.146 đồng, giá vốn hàng bán tăng và lợi nhuận trước thuế giảm số tiền tương ứng, kết hợp việc chi phí tài chính giảm 2.563.361.610 đồng so với cùng kỳ năm trước do dư nợ vay dự án BOT An Suông An Lạc giảm là các nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm trước</i></p>		
	Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	7.390.587.448	12.744.347.202
	Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	296	511
<b>31</b>	<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Quý 2 năm 2014</b>	<b>Quý 2 năm 2013</b>
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.284.896.680	11.533.319.536
	Chi phí nhân công	10.815.914.806	14.570.780.210
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.873.650.867	14.665.184.921
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.639.288.234	3.264.548.316
	Chi phí khác bằng tiền	66.781.905.438	1.199.861.136
	<b>Tổng cộng</b>	<b>132.395.656.025</b>	<b>45.233.694.119</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014***(Tiếp theo)***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan (*)	Số dư đầu kỳ (01/01/2014)	Phát sinh nợ (01/01->30/06)	Phát sinh có (01/01->31/03)	Số dư cuối kỳ (31/03/2014)	SL sở hữu cổ phần IDICO-IDI
<b>IDICO</b>	<b>(Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam)</b>				<b>9.355.950 cổ phần</b>
Phải thu 131	1.251.509.248		1.251.509.248	-	
Phải trả (cổ tức)	16.392.735.721	5.251.509.248	-	11.141.226.473	
<b>CIENCO6</b>	<b>(Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6)</b>				<b>3.118.650 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả	-	-	-	-	
<b>IDICO-CONAC</b>	<b>(Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả	3.387.173.268	1.865.043.328	-	1.522.129.940	
<b>IDICO-UDICO</b>	<b>(Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	1.247.460.000	1.247.460.000	-	-	
<b>IDICO-URBIZ</b>	<b>(Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO)</b>				<b>2.494.920 cổ phần</b>
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả (cổ tức)	-	-	-	-	

**2 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013, báo cáo tài chính quý 1, quý 2 năm 2013, báo cáo tài chính quý 1 năm 2014

**3 Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu ngừng trệ kinh doanh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2014**

*(Tiếp theo)*

**4 Những thông tin khác**

Trong báo cáo tài chính, có những chỉ tiêu không có thông tin hoặc không có liên quan đến đơn vị theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính Công ty không trình bày và vẫn giữ nguyên số

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2014

**Người lập**



**Nguyễn Trường Vũ**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Văn Thọ**



**Nguyễn Hồng Ninh**